

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **53/2021/DS-PT**

Ngày: 26/4/2021

V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng về tài sản và sức khỏe

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nga
Ông Vũ Hoàng Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 26/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 244/2020/TLPT-DS ngày 07/12/2020 về “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản và sức khỏe*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2020/DS-ST ngày 16/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐ-PT ngày 14/01/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 16A/2021/QĐPT-DS ngày 17/01/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 16/2021/TB-TA ngày 07/4/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồng Văn H, sinh năm 1950, địa chỉ: ấp 4, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Văn H1, sinh năm 1964, địa chỉ: Khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1965, địa chỉ: khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Hồng Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/7/2019, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hồng Văn H trình bày:

Vào ngày 29/4/2000, ông H đang dạy con tên Hồng Ngọc Th, sinh năm 1977 và con tên Hồng Minh T, sinh năm 1979 ở nhà tại khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước thì ông H1 cùng với ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958 và ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1965 ngang nhiên vào nhà ông H, trói và đánh đập ông H. Sau đó ông H bị ông H1, ông T, ông L chở đến Công an thị trấn L, đưa cho ông Bình công an thị trấn L. Sau đó ông Bình cởi trói cho ông H và nói ông H về, thì ông H đi về. Hậu quả ông H bị thương tích, mất 1 đôi dép, 01 sợi dây chuyền vàng 4 chỉ loại 9999.

Vài ngày sau ông H làm đơn gửi đến công an huyện L khiếu nại ông H1, ông T, ông L yêu cầu bồi thường cho ông H về dây chuyền, đôi dép bị mất và thiệt hại sức khỏe cho ông H, Công an huyện chuyển đơn cho công an thị trấn giải quyết. Công an thị trấn L mời ông H đến làm việc thì ông T, ông H1, ông L không đồng ý bồi thường.

Nay ông khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Văn H1 phải bồi thường cho ông gồm: 1 sợi dây chuyền 4 chỉ vàng loại 9999 (phải trả bằng vàng), 1 đôi dép giá trị 300.000 đồng; tiền thuốc điều trị và tiền ngày công lao động bị mất do không đi làm được tổng số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Tại phiên tòa, bị đơn ông Hoàng Văn H1 xin vắng mặt. Căn cứ biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hoàng Văn H1 trình bày:

Vào khoảng năm 2000, ông H1 giữ chức vụ công an ấp là hàng xóm với ông Hồng Văn H. Ông H1 thống nhất ngày 29/4/2000, ông H và vợ con cãi nhau gây rối trật tự công cộng tại khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước, ông H còn cầm củi ném vào vợ ông H nên ông H1 có đến khuyên can, hòa giải nhưng ông H không chấp hành còn chửi bới ông H1, ông H1 đã gọi điện đến Công an thị trấn L thì trưởng công an xã nói ông H1 cùng với ông Nguyễn Văn T (hiện nay đã chết), ông Nguyễn Văn L yêu cầu ông H đến Công an xã trình bày sự việc gây rối trật tự nhưng ông H chống đối nên ông H1, ông L, ông T có trói ông H lại và dẫn đến công an thị trấn. Sau khi dẫn ông H đến công an thị trấn L thì ông H1 hết nhiệm vụ và ra về. Khi áp giải thì ông H1 không có gây thương tích gì cho ông H, cũng không làm mất sợi dây chuyền vàng nào của ông H, ông H cũng không có nói là bị mất sợi dây chuyền hay mất dép gì hết. Vài ngày sau thì công an huyện L đã nhận đơn khiếu nại của ông H và có đến nhà ông H1 xác minh làm việc, sau đó Công an huyện L bác đơn yêu cầu khiếu nại của ông H, ông H gửi đơn khiếu nại tiếp đến công an tỉnh Bình Phước, sau đó công an tỉnh Bình Phước cũng trả đơn lại cho công an huyện L, sau đó Công an huyện L có mời ông H1 đến công an huyện L hòa giải với ông H thì ông H chỉ yêu cầu ông H1 bồi thường chiếc

dép giá 20.000 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H thì ông H1 không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L vắng mặt không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, ông L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt làm việc. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên ông L không đến làm việc với Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ và không có mặt theo các thông báo, quyết định của Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2020/DS-ST ngày 16/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồng Văn H.

Buộc ông Hoàng Văn H1 bồi thường cho ông Hồng Văn H số tiền 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) là tiền chi phí thuốc điều trị và tiền trị giá đôi dép bị mất.

Không chấp nhận yêu cầu buộc ông H1 bồi thường cho ông H tiền công lao động, 01 sợi dây chuyền 4 chỉ vàng loại 9999, tiền thu nhập bị mất do không đi làm được.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 27/10/2020, ông H có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Hồng Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn xét xử chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước không có kiến nghị về tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Đơn kháng cáo của ông Hồng Văn H làm trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung phù hợp các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về sự vắng mặt của bị đơn ông Hoàng Văn H1 tại phiên tòa: Ông H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, 228, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H1.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của ông H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, xác định được: Năm 2000, ông H1 là Công an ấp và là hàng xóm với ông H. Vào ngày 29/4/2000, tại nhà bà Lý Hương là vợ cũ đã ly hôn của ông H có xảy ra xô sát, cãi vã giữa ông H, bà Lý Hương và các con của ông H về việc các con của ông H không chịu trả lại đôi với 05 chỉ vàng mà ông đã cho mượn trước đó. Khi đó ông H1 là Công an ấp 2, TT. Lộc Ninh đang đi vận động nhân dân treo cờ Tổ quốc ngang qua thấy vậy có mời ông Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn L là các cán bộ an ninh nhân dân ấp cùng ông H1 đến mời ông H về Công an thị trấn L để giải quyết nhưng ông H không đi. Giữa ông H và ông H1 có xảy ra xô sát thì ông H1 cùng ông T (nay đã chết), ông L đã bắt giữ và trói ông H bằng dây nilon đưa về Công an thị trấn L làm việc.

[2.2] Theo ông H thì việc ông H1 đánh ông và cùng với ông T, ông L bắt trói ông đưa đến Công an thị trấn đã làm ông bị thương phải điều trị hết 304.000 đồng, bị mất một đôi dép da và 04 chỉ vàng loại 9999. Nay, ông H yêu cầu ông H1 phải có trách nhiệm bồi thường cho ông các khoản: trị giá đôi dép da tính theo thời giá hiện tại là 300.000 đồng; 01 sợi dây chuyền trọng lượng 04 chỉ vàng loại 9999; 2.000.000 đồng tiền mất thu nhập của ông trong 10 ngày điều trị vết thương không lao động được, tương ứng 200.000 đồng/ngày và toàn bộ chi phí thuốc men ông đã chi phí - đối với thiệt hại này ông đề nghị Tòa án căn cứ vào các hóa đơn thuốc ông cung cấp để tính cho ông. Còn theo ông H1 thì vào ngày 29/4/2000 ông H1 không gây thương tích gì cho ông H, cũng không làm mất dép hay sợi dây chuyền nào của ông H, tuy nhiên ông cũng đồng ý bồi thường cho ông H số tiền 500.000 đồng.

[2.3] Hội đồng xét xử xét thấy, do vụ việc xảy ra đã lâu và cơ quan công an không còn lưu giữ được hồ sơ liên quan đến vụ việc. Tuy nhiên, theo nội dung công văn số 10/TL-XKT (CAT) ngày 02/02/2001 của Công an tỉnh Bình Phước về việc trả lời đơn tố cáo của ông H thể hiện thì trước đây, quá trình xác minh giải quyết vụ việc Công an huyện L đã có văn bản buộc ông H1, ông T, ông L phải bồi thường cho ông H trị giá đôi dép da là 36.000 đồng và 302.000 đồng gồm: Khoản 181.000 đồng tiền thuốc theo toa bác sỹ kê và 121.000 đồng tiền thuốc ông H mua thêm) tiền chi phí điều trị thương tích. Do đó, có cơ sở xác định ông H có bị thương tích và bị mất một đôi dép da như ông trình bày.

Xét các yêu cầu bồi thường của ông H, thấy: Đối với đôi dép da, không có căn cứ xác định vào thời điểm ông H bị mất đôi dép có trị giá bao nhiêu nhưng cơ quan Công an cũng như Tòa sơ thẩm vẫn chấp nhận trị giá đôi dép là 36.000 đồng bằng trị giá mà ông H cho rằng ông đã mua là đảm bảo quyền và lợi ích cho ông. Yêu cầu của ông H về việc được tính trị giá đôi dép theo giá thị trường hiện nay là 300.000 đồng không có căn cứ để được chấp nhận. Đối với chi phí chữa trị thương tích, đối chiếu với các chứng từ viện phí và các hóa đơn thuốc mà ông H cung cấp thì ông H đã chi phí các khoản: ngày 29/4/2000 chi 123.000 đồng tiền thuốc, ngày 08/5/2000 chi 96.000 đồng tiền thuốc, ngày 03/5/2000 chi 60.000 đồng tiền viện phí và 20.000 đồng tiền y chứng (bút lục 96-102), tổng cộng 299.000 đồng. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn ông H1 và buộc ông H1 bồi thường cho ông H 500.000 đồng là phù hợp.

[2.4] Đối với yêu cầu được bồi thường 10 ngày công lao động bị mất với tổng số tiền 2.000.000 đồng và 04 chỉ vàng loại 9999: phía bị đơn không chấp nhận các khoản này, còn ông H không chứng minh được mình có 10 ngày phải nghỉ lao động cũng như việc ông bị mất sợi dây chuyền vào thời điểm xảy ra xô sát ngày 29/4/2000 và ông H1 là người làm mất dây chuyền của ông. Do đó, các yêu cầu về phần này của ông H không có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Từ những phân tích trên, Tòa án cấp phúc thẩm thấy rằng không có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm nên kháng cáo của ông H không có cơ sở chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Cấp sơ thẩm không buộc ông H phải chịu án phí là có căn cứ nhưng cần điều chỉnh lại cách tuyên của bản án sơ thẩm cho phù hợp.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông H được miễn do ông là người cao tuổi.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Hồng Văn H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2020/DS-ST ngày 16/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh.

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 609, 612, 613 Bộ luật dân sự năm 1995; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồng Văn H.

Buộc ông Hoàng Văn H1 phải bồi thường cho ông Hồng Văn H số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí thuốc điều trị vết thương và tiền trị giá đôi dép bị mất.

Không chấp nhận yêu cầu buộc ông H1 bồi thường cho ông H tiền công lao động, 01 sợi dây chuyền 4 chỉ vàng loại 9999, tiền thu nhập bị mất do không đi làm được.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hoàng Văn H1 phải chịu án phí 300.000 đồng. Ông Nguyễn Văn L không phải chịu.

Ông Hồng Văn H được miễn đối với yêu cầu không được chấp nhận do ông H là người cao tuổi.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Hồng Văn H được miễn do ông H là người cao tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Tòa án ND huyện L;
- Chi Cục THADS huyện L;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Quý Chi

